

**UNIT I: INTRODUCTION**  
**LESSON D: PAST TENSES**

<b>Simple Past</b>	<p><b>S + V2/ed</b></p> <p><b>S + didn't + V<sub>bare</sub>.</b></p> <p><b>Did + S + V<sub>bare</sub>. ?</b></p>	<p>We played volley ball last Saturday</p> <p>I passed the ball to him and he scored</p> <p>I believed his story. (NOT: <del>I was believing his story.</del>)</p>	<p><b>Chúng ta sử dụng thì quá khứ đơn:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- diễn tả hành động hoặc sự kiện xảy ra tại một thời điểm trong quá khứ</li> <li>- diễn tả một chuỗi các sự kiện xảy ra nối tiếp nhau.</li> <li>- với một số động từ mà không thể dùng ở thì tiếp diễn như: <i>believe, hate, know, like, love, need, prefer, want.</i></li> </ul>	<p><i>ago, yesterday, in + year in the past, last (week, month, year), in the past, in those days...</i></p>
<b>Past Continuous</b>	<p><b>S + was / were + V-ing</b></p> <p><b>S + was / were + not + V-ing</b></p> <p><b>Was / were + S + V-ing ?</b></p>	<p>- It was raining. Some children were playing rugby.</p> <p>- I was having breakfast when the phone rang.</p>	<p><b>Chúng ta sử dụng thì quá khứ tiếp diễn</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- diễn tả quang cảnh trong quá khứ</li> <li>- diễn tả hđ xảy ra và kéo dài 1 tg ở QK</li> <li>- diễn tả hđ xảy ra vào 1 thời điểm ở QK</li> <li>- diễn tả hđ đang xảy ra ở QK thì có hđ khác xen vào</li> <li>- diễn tả 2 hđ đang cùng xảy ra trong QK</li> </ul>	<p><i>at + hour in the past (at 2.30 yesterday), at that time, at this time + time in the past (at this time in 2000), when, while</i></p>
<b>Past Perfect</b>	<p><b>S + had + V<sub>3/ed</sub></b></p> <p><b>S + hadn't + V<sub>3/ed</sub></b></p> <p><b>Had + S + V<sub>3/ed</sub>?</b></p>	<p>-We had lived in Hue before 1999</p> <p>-After I had washed up, I watched TV</p>	<p><b>Chúng ta sử dụng thì quá khứ hoàn thành:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- diễn tả hđ xảy ra trước 1 hđ khác trong QK, hoặc trước 1 thời điểm trong QK</li> </ul>	<p><i>when, after, before, ...no sooner ...than, ...hardly... when ...</i></p> <p>☛ <i>After + QKHT, QKD</i></p>

				<p>♣Before + <i>QKĐ, QKHT</i></p> <p>♣S + <i>had</i> + <i>no sooner</i> + V3/ed + <i>than</i> + S + V2/ed</p> <p>♣S + <i>had</i> + <i>hardly</i> + V3/ed + <i>when</i> + S + V2/ed</p>
--	--	--	--	--

**Fill in the blanks with the correct form of the verb using the simple past, past continuous, or past perfect.**

1. When I \_\_\_\_\_ (arrive) at the cinema, the movie \_\_\_\_\_ (already/start).
2. She \_\_\_\_\_ (cook) dinner when the phone \_\_\_\_\_ (ring).
3. They \_\_\_\_\_ (live) in New York for five years before they \_\_\_\_\_ (move) to Los Angeles.
4. While we \_\_\_\_\_ (walk) in the park, it suddenly \_\_\_\_\_ (start) to rain.
5. He \_\_\_\_\_ (not/see) his friend for years before they \_\_\_\_\_ (meet) at the reunion.
6. The children \_\_\_\_\_ (play) outside when it \_\_\_\_\_ (begin) to get dark.
7. By the time the firefighters \_\_\_\_\_ (arrive), the fire \_\_\_\_\_ (destroy) the building.
8. Last night, I \_\_\_\_\_ (read) a book when I \_\_\_\_\_ (hear) a strange noise.
9. She \_\_\_\_\_ (feel) sad because she \_\_\_\_\_ (lose) her favorite bracelet.
10. We \_\_\_\_\_ (finish) our homework before we \_\_\_\_\_ (go) out to play.